

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Kiến thức: Kiểm tra việc tiếp thu và vận dụng các kiến thức của học sinh về: nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ; cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân; thị trường lao động kỹ thuật công nghệ tại Việt Nam.

2. Năng lực

- Năng lực chung: tư duy logic, nghiên cứu và giải quyết vấn đề.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận thức công nghệ: nhận thức được một số nội dung cơ bản về nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. Tóm tắt được các tri thức, kỹ năng cơ bản của một số quá trình kỹ thuật, công nghệ có tính nghề phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân. Nhận thức được thời điểm phân luồng giáo dục phổ thông: sau tốt nghiệp trung học cơ sở, sau tốt nghiệp trung học phổ thông, các hướng đi liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

+ Giao tiếp công nghệ: mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay, kể tên được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp

+ Đánh giá công nghệ: Vận dụng những kiến thức đã học về quy trình lựa chọn nghề nghiệp để có hướng lựa chọn phù hợp với bản thân.

3. Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, yêu thích môn học.

II. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA (đính kèm trang sau).

1. Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì 1 (hết tuần học thứ 7), khi kết thúc nội dung bài 3: Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam

2. Thời gian làm bài: 45 phút

3. Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận)

4. Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng

- Phần trắc nghiệm: 5 điểm

- Phần tự luận: 5 điểm

III. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA (đính kèm trang sau).

IV. NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA (đính kèm trang sau).

V. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM (đính kèm trang sau).

BGH
Duyệt

TỔ CHUYÊN MÔN
Duyệt

NHÓM CHUYÊN MÔN

Dương Thị Tám

Nguyễn Thế Mạnh

Ngô Quốc Chiến

II. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức						Tổng		Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	I. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ	1.1. Nghề nghiệp đối với con người	4						4		1,0
		1.2. Ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ	C1,2,7,10			1			4	1	2,75
2	II. Giáo dục kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân	2.1. Hệ thống giáo dục Việt Nam	3						3		0,75
		2.2. Lựa chọn nghề trong hệ thống giáo dục	C8,11,15						2		0,5
		2.3. Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS	2					1	1	1	1,25
3	III. Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam	3.1. Thị trường lao động	1		2	1/2			2	1/2	0,75
		3.2. Thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ	C12		C14,17	C23a			4	1/2	3
Số câu			16		4	3/2		1/2	20	3	
Điểm số			4		1	2		3	5	5	
Tổng số điểm			4		3		3	5	5	10	

III. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	I. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ	1.1. Nghề nghiệp đối với con người	<p>Nhận biết:</p> <p>Trình bày được khái niệm nghề nghiệp.</p> <p>Trình bày được tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Phân tích được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Phát biểu được quan điểm cá nhân về lựa chọn nghề nghiệp của bản thân.</p>	4 (C1), (C2), (C7), (C10)		
		1.2. Ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ	<p>Nhận biết:</p> <p>- Kể tên được một số ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.</p> <p>- Trình bày được những đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.</p> <p>- Trình bày được những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Phân tích được những đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.</p> <p>Phân tích được những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.</p>	4 (C3), (C4), (C5), (C6)	1 (C21)	

			<p>nghệ.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được sự phù hợp của bản thân với ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. 			
2	II. Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân	2.1. Hệ thống giáo dục Việt Nam	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên được những thành tố chính trong hệ thống giáo dục tại Việt Nam. <p>Nhận ra được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.</p> <p>Giải thích được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.</p>	3	(C8), (C11), (C15)	
		2.2. Lựa chọn nghề trong hệ thống giáo dục	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục. 	2	(C9), (C13)	
		2.3. Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS	<p>Nhận biết:</p> <p>Trình bày được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Giải thích được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS.</p> <p>Vận dụng:</p>	1	(C12)	1

			- Tìm hiểu được thông tin về các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.			
III. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam	3.1. Thị trường lao động	<p>Nhận biết:</p> <p>Trình bày được khái niệm về thị trường lao động.</p> <p>Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động.</p> <p>- Trình bày được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.</p>		2 (C14), (C17) $\frac{1}{2}$ (C23a)		
	3.2. Thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	<p>Nhận biết:</p> <p>Trình bày được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Phân tích được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.</p>	2 (C16), (C19)	2 (C18), (C20)	$\frac{1}{2}$ (C23b)	
Tổng			16	11/2	3/2	

I. Trắc nghiệm (5,0 điểm): Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát

Câu 1. Theo em, nghề nghiệp là gì?

- A. Là tập hợp những việc làm, nhiệm vụ mà mình thực hiện.
- B. Là tập hợp những người có năng lực, tri thức.
- C. Là tập hợp các công việc được xã hội công nhận.
- D. Là tập hợp những nhu cầu xã hội, mong cầu đáp ứng việc làm.

Câu 2. Nội dung nào **không** đúng khi nói về tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với xã hội

- A. Góp phần tạo ra sản phẩm vật chất, tinh thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.
- B. Thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phần vinh cho xã hội.
- C. Làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.
- D. Tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.

Câu 3. Hình ảnh dưới đây nói về ngành nghề nào trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ



- A. Kĩ sư tự động hóa.
- B. Thợ cơ khí.
- C. Kĩ sư điện.
- D. Kĩ thuật hệ thống.

Câu 4. Yêu cầu chung về năng lực của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là

- A. có khả năng tự học, tự nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; có khả năng học tập ngoại ngữ, tin học.
- B. chống chỉ định y học với những người bị có tật khúc xạ về mắt.
- C. có tính kỉ luật, ý thức tuân thủ các quy định, quy tắc trong quá trình làm việc; có ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động.
- D. cần cù, chăm chỉ, chịu được áp lực công việc và nhiệm vụ được giao.

Câu 5. Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về đặc điểm môi trường làm việc của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

- A. Môi trường làm việc năng động, hiện đại, luôn biến đổi và đầy thách thức.
- B. Đối với lĩnh vực kĩ thuật môi trường làm việc tiềm ẩn nguy cơ tai nạn cao.
- C. Tiếp xúc với các thiết bị, công nghệ hiện đại.
- D. Làm việc liên tục trong môi trường hoạt động nhóm, áp lực cao.

Câu 6. Đối tượng lao động của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là

- A. Các sản phẩm cơ khí, kĩ thuật, các ứng dụng, phần mềm sử dụng cho các thiết bị điện tử phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xã hội.
- B. Các thiết bị, công nghệ hiện đại trong quá trình thiết kế, bảo trì, sáng tạo ứng dụng, phần mềm.

C. Các phương tiện, thiết bị của ngành nghề kỹ thuật, công nghiệp.

D. Các nguyên lý vật lý, kỹ thuật, khoa học công nghệ trong quá trình thiết kế; những thiết bị, máy móc trong hệ thống cơ khí phục vụ ngành công nghiệp và các lĩnh vực khác trong đời sống.

Câu 7. Tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người là

A. Tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

B. Tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.

C. Góp phần làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.

D. Thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phồn vinh cho xã hội.

Câu 8. Khung cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam bao gồm các hệ thống giáo dục

A. chính quy và giáo dục thường xuyên.

B. mầm non và giáo dục phổ thông.

C. nghề nghiệp và giáo dục đại học

D. phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Câu 9. Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở học sinh có thể lựa chọn học nghề ở những cơ sở giáo dục nào?

A. Giáo dục đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng.

B. Giáo dục đào tạo trình độ cao đẳng, đại học.

C. Giáo dục nghề nghiệp có đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp hoặc các cơ sở giáo dục thường xuyên.

D. Giáo dục nghề nghiệp có đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp, cao đẳng hoặc cơ sở giáo dục đại học.

Câu 10. Ý nào sau đây nói về tính chất của nghề nghiệp?

A. Ổn định nhanh, thay đổi nhanh.

B. Thay đổi thất thường, gắn bó lâu dài.

C. Không ổn định, biến đổi đột ngột.

D. Ổn định, gắn bó lâu dài.

Câu 11. Giáo dục phổ thông có hai thời điểm phân luồng là khi nào?

A. Sau tốt nghiệp trung học phổ thông và sau tốt nghiệp đại học.

B. Sau tốt nghiệp trung học tiểu học và sau tốt nghiệp trung học cơ sở.

C. Sau tốt nghiệp trung học cơ sở và sau tốt nghiệp trung học phổ thông.

D. Sau tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ.

Câu 12. Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có bao nhiêu hướng đi để lựa chọn

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 13. Theo em, sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có thể đi theo hướng nào?

A. Vào học các trường đại học, cao đẳng.

B. Vào học các nghề nghiệp trình độ sơ cấp, trung cấp.

C. Đi làm lao động chân tay.

D. Không đi làm, bố mẹ nuôi

Câu 14. Vấn đề cơ bản của thị trường lao động hiện nay là

A. Xu hướng tuyển dụng lao động chưa được đào tạo, thiếu kinh nghiệm.

B. Xu hướng cầu lao động cao hơn cung lao động.

C. Chất lượng lao động còn thấp, phân bổ nguồn lao động không đồng đều.

D. Chất lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật ngày càng cao.

Câu 15. Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về giáo dục phổ thông

A. Giáo dục tiểu học bao gồm 5 lớp (từ lớp 1 đến lớp 5).

B. Giáo dục trung học cơ sở bao gồm 4 lớp (từ lớp 6 đến lớp 9).

C. Giáo dục trung học phổ thông bao gồm 3 lớp (từ lớp 10 đến lớp 12).

D. Giáo dục trình độ sơ cấp đào tạo từ 3 tháng đến dưới 1 năm học.

Câu 16. Để tìm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ cần thực hiện theo mấy bước?

A. 6 bước.

B. 5 bước.

C. 4 bước.

D. 3 bước.

Câu 17. Sau nhiều năm đổi mới đất nước, thị trường Việt Nam đã có những thay đổi như thế nào?

A. Phát triển cả về quy mô và chất lượng, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.

B. Phát triển về chất lượng lao động, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.

C. Phát triển về quy mô và chất lượng lao động, từng bước hiện đại, hội nhập quốc tế.

D. Phát triển về quy mô lao động đầu ra, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.

Câu 18. Sự mất cân đối cung – cầu lao động trong lĩnh vực khoa học công nghệ là do đâu?

A. Số lượng cung lao động đáp ứng cầu lao động

B. Chất lượng cung lao động chưa đáp ứng cầu lao động.

C. Lao động phân bố đồng đều ở các khu vực.

D. Cung lao động được đào tạo phù hợp với cầu lao động.

Câu 19. Sắp xếp các ý kiến dưới đây theo trình tự tìm hiểu thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ

(1) Xác định nguồn thông tin

(2) Tiến hành tìm kiếm

(3) Xác định mục tiêu tìm kiếm

(4) Xác định công cụ tìm kiếm

A. (1) – (2) – (3) – (4).

B. (3) – (1) – (4) – (2).

C. (3) – (2) – (4) – (1).

D. (4) – (3) – (1) – (2).

Câu 20. Sự phát triển mạnh mẽ của kỹ thuật, công nghệ đã đặt ra những yêu cầu gì đối với người lao động?

A. Người lao động có trình độ chuyên môn thấp, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin.

B. Người lao động có trình độ chuyên môn cao, sử dụng thành thạo ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

C. Người lao động có khả năng tự lập để đáp ứng sự thay đổi liên tục của các ngành nghề.

D. Người lao động có kế hoạch rèn luyện, đáp ứng được sự thay đổi liên tục của các ngành nghề.

II. Tự luận (5,0 điểm): Học sinh trả lời các câu hỏi vào giấy kiểm tra được phát

Câu 21 (1,75 điểm). Hãy phân tích những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?

Câu 22 (1 điểm). Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, vì lí do cá nhân nên bạn A không học phổ thông nữa mà muốn theo đuổi nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ nhưng không biết nên học ở đâu. Dựa trên kiến thức đã học em hãy tư vấn cho bạn A?

Câu 23 (2,25 điểm).

a) Hiện nay, tình trạng phân bố lực lượng lao động giữa thành thị và nông thôn như thế nào?

b) Bằng nhiều nguồn thông tin, hãy kể tên 5 ngành nghề thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ có xu hướng phát triển trong thị trường lao động hiện nay? Nhóm ngành kỹ thuật, công nghệ nào có xu hướng phát triển trong thị trường lao động ở địa phương em?

I. TRẮC NGHIỆM: 5 điểm (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	D	B	A	D	C	B	A	C	D
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	B	B	C	D	C	A	B	B	B

II. TỰ LUẬN (5 điểm):

Câu	Đáp án	Điểm
11 1,75đ	<p>Những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực: + Có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, vận dụng được kiến thức chuyên môn vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. + Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và sáng tạo + Có năng lực tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, sử dụng ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc + Có đủ sức khỏe để đảm bảo hoàn thành công việc, không mắc những bệnh mãn tính gây ảnh hưởng đến quá trình làm việc. - Phẩm chất: + Chấp hành nghiêm kỷ luật lao động, làm việc có trách nhiệm. + Tuân thủ đúng quy định, quy trình kỹ thuật và an toàn lao động: cẩn cù, chăm chỉ, cố gắng khắc phục khó khăn để hoàn thành công việc. + Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, phát triển nghề nghiệp. 	<p><i>1đ (mỗi ý 0,25)</i></p> <p><i>0,75đ (mỗi ý 0,25đ)</i></p>
12 1đ	<p>Bạn A không học trung học phổ thông thì bạn nên lựa chọn :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng đi 1: Theo học các ngành thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ các trình độ sơ cấp, trung cấp tại các sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo. - Hướng đi 2: Theo học tại các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình trung học phổ thông kết hợp với học một nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ ở trung tâm giáo dục thường xuyên. 	<p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>
13 2,25 đ	<p>a) Hiện nay, sự phân bố lực lượng lao động giữa thành thị và nông thôn không đồng đều, lực lượng lao động ở nông thôn cao hơn thành thị.</p> <p>b) 6 ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ,:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngành công nghệ sau thu hoạch - Ngành công nghệ kỹ thuật tự động - Ngành cơ khí - Ngành cơ khí – kỹ thuật chế tạo - Ngành cơ khí tự động và robot. - Ngành điện tử <p>* HS dựa vào thực tế tại địa phương để trả lời câu hỏi. (Học sinh có thể kể các ngành khác)</p>	<p>0,25đ</p> <p>1,75đ</p> <p>0,25đ</p>

I. Trắc nghiệm (5,0 điểm): Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát

Câu 1. Theo em, sau khi tốt nghiệp trung học học cơ sở, học sinh có thể đi theo hướng nào?

- A. Đi làm lao động chân tay.
- B. Vào học các nghề nghiệp trình độ sơ cấp, trung cấp.
- C. Vào học các trường đại học, cao đẳng.
- D. Không đi làm, bố mẹ nuôi

Câu 2. Nội dung nào **không** đúng khi nói về tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với xã hội

- A. Góp phần tạo ra sản phẩm vật chất, tinh thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.
- B. Thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phần vinh cho xã hội.
- C. Làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.
- D. Tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.

Câu 3. Ý nào sau đây nói về tính chất của nghề nghiệp

- A. Ổn định nhanh, thay đổi nhanh.
- B. Không ổn định, biến đổi đột ngột.
- C. Ổn định, gắn bó lâu dài.
- D. Thay đổi thất thường, gắn bó lâu dài.

Câu 4. Theo em, nghề nghiệp là gì?

- A. Là tập hợp những việc làm, nhiệm vụ mà mình thực hiện.
- B. Là tập hợp các công việc được xã hội công nhận.
- C. Là tập hợp những nhu cầu xã hội, mong cầu đáp ứng việc làm.
- D. Là tập hợp những người có năng lực, tri thức.

Câu 5. Giáo dục phổ thông có hai thời điểm phân luồng là khi nào?

- A. Sau tốt nghiệp trung học phổ thông và sau tốt nghiệp đại học.
- B. Sau tốt nghiệp trung học tiểu học và sau tốt nghiệp trung học cơ sở.
- C. Sau tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ.
- D. Sau tốt nghiệp trung học cơ sở và sau tốt nghiệp trung học phổ thông.

Câu 6. Đối tượng lao động của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là

- A. Các nguyên lí vật lí, kĩ thuật, khoa học công nghệ trong quá trình thiết kế; những thiết bị, máy móc trong hệ thống cơ khí phục vụ ngành công nghiệp và các lĩnh vực khác trong đời sống.
- B. Các thiết bị, công nghệ hiện đại trong quá trình thiết kế, bảo trì, sáng tạo ứng dụng, phần mềm.
- C. Các sản phẩm cơ khí, kĩ thuật, các ứng dụng, phần mềm sử dụng cho các thiết bị điện tử phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xã hội.
- D. Các phương tiện, thiết bị của ngành nghề kĩ thuật, công nghệ.

Câu 7. Sắp xếp các ý kiến dưới đây theo trình tự tìm hiểu thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ

- (1) Xác định nguồn thông tin
- (2) Tiến hành tìm kiếm
- (3) Xác định mục tiêu tìm kiếm
- (4) Xác định công cụ tìm kiếm

- A. (1) – (2) – (3) – (4).
- B. (4) – (3) – (1) – (2).
- C. (3) – (2) – (4) – (1).
- D. (3) – (1) – (4) – (2).

Câu 8. Vấn đề cơ bản của thị trường lao động hiện nay là

- A. Chất lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật ngày càng cao.
- B. Chất lượng lao động còn thấp, phân bổ nguồn lao động không đồng đều.
- C. Xu hướng tuyển dụng lao động chưa được đào tạo, thiếu kinh nghiệm.
- D. Xu hướng cầu lao động cao hơn cung lao động.

Câu 9. Hình ảnh dưới đây nói về ngành nghề nào trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ



- A. Thợ cơ khí.
- B. Kỹ thuật hệ thống.
- C. Kỹ sư tự động hóa.
- D. Kỹ sư điện.

Câu 10. Sự mất cân đối cung – cầu lao động trong lĩnh vực khoa học công nghệ là do đâu?

- A. Lao động phân bổ đồng đều ở các khu vực.
- B. Chất lượng cung lao động chưa đáp ứng cầu lao động.
- C. Cung lao động được đào tạo phù hợp với cầu lao động.
- D. Số lượng cung lao động đáp ứng cầu lao động

Câu 11. Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về đặc điểm môi trường làm việc của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ

- A. Môi trường làm việc năng động, hiện đại, luôn biến đổi và đầy thách thức.
- B. Đối với lĩnh vực kỹ thuật môi trường làm việc tiềm ẩn nguy cơ tai nạn cao.
- C. Tiếp xúc với các thiết bị, công nghệ hiện đại.
- D. Làm việc liên tục trong môi trường hoạt động nhóm, áp lực cao.

Câu 12. Tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người là

- A. Thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phồn vinh cho xã hội.
- B. Tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.
- C. Tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.
- D. Góp phần làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.

Câu 13. Khung cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam bao gồm các hệ thống giáo dục

- A. phổ thông và giáo dục thường xuyên
- B. chính quy và giáo dục thường xuyên.
- C. nghề nghiệp và giáo dục đại học
- D. mầm non và giáo dục phổ thông.

Câu 14. Sau nhiều năm đổi mới đất nước, thị trường Việt Nam đã có những thay đổi như thế nào?

- A. Phát triển về quy mô lao động đầu ra, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.
- B. Phát triển về quy mô và chất lượng lao động, từng bước hiện đại, hội nhập quốc tế.
- C. Phát triển cả về quy mô và chất lượng, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.
- D. Phát triển về chất lượng lao động, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.

Câu 15. Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có bao nhiêu hướng đi để lựa chọn?

- A. 4.
- B. 5.
- C. 3.
- D. 2.

Câu 16. Sự phát triển mạnh mẽ của kỹ thuật, công nghệ đã đặt ra những yêu cầu gì đối với người lao động

- A. Người lao động có khả năng tự lập để đáp ứng sự thay đổi liên tục của các ngành nghề.
- B. Người lao động có trình độ chuyên môn thấp, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin.

C. Người lao động có kế hoạch rèn luyện, đáp ứng được sự thay đổi liên tục của các ngành nghề.

D. Người lao động có trình độ chuyên môn cao, sử dụng thành thạo ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

Câu 17. Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về giáo dục phổ thông

A. Giáo dục tiểu học bao gồm 5 lớp (từ lớp 1 đến lớp 5).

B. Giáo dục trung học cơ sở bao gồm 4 lớp (từ lớp 6 đến lớp 9).

C. Giáo dục trung học phổ thông bao gồm 3 lớp (từ lớp 10 đến lớp 12).

D. Giáo dục trình độ sơ cấp đào tạo từ 3 tháng đến dưới 1 năm học.

Câu 18. Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở học sinh có thể lựa chọn học nghề ở những cơ sở giáo dục nào?

A. Giáo dục đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng.

B. Giáo dục nghề nghiệp có đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp, cao đẳng hoặc cơ sở giáo dục đại học.

C. Giáo dục đào tạo trình độ cao đẳng, đại học.

D. Giáo dục nghề nghiệp có đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp hoặc các cơ sở giáo dục thường xuyên.

Câu 19. Để tìm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ cần thực hiện theo mấy bước

A. 6 bước.

B. 3 bước.

C. 5 bước.

D. 4 bước.

Câu 20. Yêu cầu chung về năng lực của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ là

A. có tính kỉ luật, ý thức tuân thủ các quy định, quy tắc trong quá trình làm việc; có ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động.

B. có khả năng tự học, tự nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; có khả năng học tập ngoại ngữ, tin học.

C. cần cù, chăm chỉ, chịu được áp lực công việc và nhiệm vụ được giao.

D. chống chỉ định y học với những người bị có tật khúc xạ về mắt.

II. Tự luận (5,0 điểm): Học sinh trả lời câu hỏi vào giấy kiểm tra được phát

Câu 21 (1,75 điểm). Hãy phân tích những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?

Câu 22 (1 điểm). Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở ,vì lí do cá nhân nên bạn A không học phổ thông nữa mà muốn theo đuổi nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ nhưng không biết nên học ở đâu. Dựa trên kiến thức đã học em hãy tư vấn cho bạn A?

Câu 23 (2,25 điểm).

a) Hiện nay, tình trạng phân bố lực lượng lao động giữa thành thị và nông thôn như thế nào?

b) Bằng nhiều nguồn thông tin, hãy kể tên 5 ngành nghề thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ có xu hướng phát triển trong thị trường lao động hiện nay? Nhóm ngành kỹ thuật, công nghệ nào có xu hướng phát triển trong thị trường lao động ở địa phương em?

PHÒNG GD – ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS THANH AM
Năm học 2024 – 2025
Mã đề: CN9-GKI-102

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: CÔNG NGHỆ 9
Thời gian làm bài: 45 phút.

I. TRẮC NGHIỆM: 5 điểm (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	D	C	B	D	B	C	B	A	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	C	B	C	C	B	D	D	D	B

II. TỰ LUẬN (5 điểm):

Câu	Đáp án	Điểm
11 1,75đ	<p>Những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ:</p> <p>- Năng lực: + Có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, vận dụng được kiến thức chuyên môn vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. + Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và sáng tạo + Có năng lực tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, sử dụng ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc + Có đủ sức khỏe để đảm bảo hoàn thành công việc, không mắc những bệnh mãn tính gây ảnh hưởng đến quá trình làm việc.</p> <p>- Phẩm chất: + Chấp hành nghiêm kỷ luật lao động, làm việc có trách nhiệm. + Tuân thủ đúng quy định, quy trình kỹ thuật và an toàn lao động: cẩn cù, chăm chỉ, cố gắng khắc phục khó khăn để hoàn thành công việc. + Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, phát triển nghề nghiệp.</p>	<p>1đ (mỗi ý 0,25)</p> <p>0,75đ (mỗi ý 0,25đ)</p>
12 1đ	<p>Bạn A không học trung học phổ thông thì bạn nên lựa chọn :</p> <p>- Hướng đi 1: Theo học các ngành thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ các trình độ sơ cấp, trung cấp tại các sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo. - Hướng đi 2: Theo học tại các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình trung học phổ thông kết hợp với học một nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ ở trung tâm giáo dục thường xuyên.</p>	<p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>
13 2,25 đ	<p>a) Hiện nay, sự phân bố lực lượng lao động giữa thành thị và nông thôn không đồng đều, lực lượng lao động ở nông thôn cao hơn thành thị.</p> <p>b) 6 ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ,:</p> <p>- Ngành công nghệ sau thu hoạch - Ngành công nghệ kỹ thuật tự động - Ngành cơ khí - Ngành cơ khí – kỹ thuật chế tạo - Ngành cơ khí tự động và robot. - Ngành điện tử</p> <p>* HS dựa vào thực tế tại địa phương để trả lời câu hỏi. (Học sinh có thể kể các ngành khác)</p>	<p>0,25đ</p> <p>1,75đ</p> <p>0,25đ</p>

I. Trắc nghiệm (5,0 điểm): Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát

Câu 1. Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về đặc điểm môi trường làm việc của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ

- A. Môi trường làm việc năng động, hiện đại, luôn biến đổi và đầy thách thức.
- B. Đối với lĩnh vực kỹ thuật môi trường làm việc tiềm ẩn nguy cơ tai nạn cao.
- C. Tiếp xúc với các thiết bị, công nghệ hiện đại.
- D. Làm việc liên tục trong môi trường hoạt động nhóm, áp lực cao.

Câu 2. Hình ảnh dưới đây nói về ngành nghề nào trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ?



- A. Kỹ thuật hệ thống.
- B. Thợ cơ khí.
- C. Kỹ sư điện.
- D. Kỹ sư tự động hóa.

Câu 3. Vấn đề cơ bản của thị trường lao động hiện nay là

- A. Chất lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật ngày càng cao.
- B. Xu hướng cầu lao động cao hơn cung lao động.
- C. Chất lượng lao động còn thấp, phân bổ nguồn lao động không đồng đều.
- D. Xu hướng tuyển dụng lao động chưa được đào tạo, thiếu kinh nghiệm.

Câu 4. Ý nào sau đây nói về tính chất của nghề nghiệp

- A. Thay đổi thất thường, gắn bó lâu dài.
- B. Ổn định, gắn bó lâu dài.
- C. Ổn định nhanh, thay đổi nhanh.
- D. Không ổn định, biến đổi đột ngột.

Câu 5. Sự phát triển mạnh mẽ của kỹ thuật, công nghệ đã đặt ra những yêu cầu gì đối với người lao động

- A. Người lao động có trình độ chuyên môn cao, sử dụng thành thạo ngoại ngữ và công nghệ thông tin.
- B. Người lao động có trình độ chuyên môn thấp, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin.
- C. Người lao động có khả năng tự lập để đáp ứng sự thay đổi liên tục của các ngành nghề.
- D. Người lao động có kế hoạch rèn luyện, đáp ứng được sự thay đổi liên tục của các ngành nghề.

Câu 6. Nội dung nào **không** đúng khi nói về tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với xã hội

- A. Góp phần tạo ra sản phẩm vật chất, tinh thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.
- B. Thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phần vinh cho xã hội.
- C. Làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.
- D. Tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.

Câu 7. Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về giáo dục phổ thông

- A. Giáo dục tiểu học bao gồm 5 lớp (từ lớp 1 đến lớp 5).
- B. Giáo dục trung học cơ sở bao gồm 4 lớp (từ lớp 6 đến lớp 9).
- C. Giáo dục trung học phổ thông bao gồm 3 lớp (từ lớp 10 đến lớp 12).
- D. Giáo dục trình độ sơ cấp đào tạo từ 3 tháng đến dưới 1 năm học.

Câu 8. Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở học sinh có thể lựa chọn học nghề ở những cơ sở giáo dục nào?

- A. Giáo dục đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng.
- B. Giáo dục nghề nghiệp có đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp hoặc các cơ sở giáo dục thường xuyên.
- C. Giáo dục nghề nghiệp có đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp, cao đẳng hoặc cơ sở giáo dục đại học.
- D. Giáo dục đào tạo trình độ cao đẳng, đại học.

Câu 9. Tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người là

- A. Góp phần làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.
- B. Tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.
- C. Tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.
- D. Thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phồn vinh cho xã hội.

Câu 10. Khung cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam bao gồm các hệ thống giáo dục

- A. phổ thông và giáo dục thường xuyên.
- B. mầm non và giáo dục phổ thông.
- C. chính quy và giáo dục thường xuyên.
- D. nghề nghiệp và giáo dục đại học

Câu 11. Sự mất cân đối cung – cầu lao động trong lĩnh vực khoa học công nghệ là do đâu?

- A. Số lượng cung lao động đáp ứng cầu lao động
- B. Chất lượng cung lao động chưa đáp ứng cầu lao động.
- C. Lao động phân bố đồng đều ở các khu vực.
- D. Cung lao động được đào tạo phù hợp với cầu lao động.

Câu 12. Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có bao nhiêu hướng đi để lựa chọn

- A. 3.
- B. 5.
- C. 4.
- D. 2.

Câu 13. Đối tượng lao động của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là:

- A. Các phương tiện, thiết bị của ngành nghề kĩ thuật, công nghiệp.
- B. Các nguyên lí vật lí, kĩ thuật, khoa học công nghệ trong quá trình thiết kế; những thiết bị, máy móc trong hệ thống cơ khí phục vụ ngành công nghiệp và các lĩnh vực khác trong đời sống.
- C. Các sản phẩm cơ khí, kĩ thuật, các ứng dụng, phần mềm sử dụng cho các thiết bị điện tử phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xã hội.
- D. Các thiết bị, công nghệ hiện đại trong quá trình thiết kế, bảo trì, sáng tạo ứng dụng, phần mềm.

Câu 14. Theo em, sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có thể đi theo hướng nào?

- A. Vào học các nghề nghiệp trình độ sơ cấp, trung cấp.
- B. Không đi làm, bố mẹ nuôi
- C. Đi làm lao động chân tay.
- D. Vào học các trường đại học, cao đẳng.

Câu 15. Để tìm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ cần thực hiện theo mấy bước

- A. 3 bước.
- B. 6 bước.
- C. 5 bước.
- D. 4 bước.

I. TRẮC NGHIỆM: 5 điểm (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	B	C	B	A	D	D	B	C	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	A	D	A	D	D	D	D	A	A

II. TỰ LUẬN (5 điểm):

Câu	Đáp án	Điểm
11 1,75đ	<p>Những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực: + Có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, vận dụng được kiến thức chuyên môn vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. + Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và sáng tạo + Có năng lực tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, sử dụng ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc + Có đủ sức khỏe để đảm bảo hoàn thành công việc, không mắc những bệnh mãn tính gây ảnh hưởng đến quá trình làm việc. - Phẩm chất: + Chấp hành nghiêm kỷ luật lao động, làm việc có trách nhiệm. + Tuân thủ đúng quy định, quy trình kỹ thuật và an toàn lao động: cẩn cù, chăm chỉ, cố gắng khắc phục khó khăn để hoàn thành công việc. + Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, phát triển nghề nghiệp. 	<p>1đ (mỗi ý 0,25)</p> <p>0,75đ (mỗi ý 0,25đ)</p>
12 1đ	<p>Bạn A không học trung học phổ thông thì bạn nên lựa chọn :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng đi 1: Theo học các ngành thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ các trình độ sơ cấp, trung cấp tại các sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo. - Hướng đi 2: Theo học tại các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình trung học phổ thông kết hợp với học một nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ ở trung tâm giáo dục thường xuyên. 	<p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>
13 2,25 đ	<p>a) Hiện nay, sự phân bố lực lượng lao động giữa thành thị và nông thôn không đồng đều, lực lượng lao động ở nông thôn cao hơn thành thị.</p> <p>b) 6 ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ,:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngành công nghệ sau thu hoạch - Ngành công nghệ kỹ thuật tự động - Ngành cơ khí - Ngành cơ khí – kỹ thuật chế tạo - Ngành cơ khí tự động và robot. - Ngành điện tử <p>* HS dựa vào thực tế tại địa phương để trả lời câu hỏi. (Học sinh có thể kể các ngành khác)</p>	<p>0,25đ</p> <p>1,75đ</p> <p>0,25đ</p>

I. Trắc nghiệm (5,0 điểm): Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát

Câu 1. Theo em, nghề nghiệp là gì

- A. Là tập hợp các công việc được xã hội công nhận.
- B. Là tập hợp những việc làm, nhiệm vụ mà mình thực hiện.
- C. Là tập hợp những người có năng lực, tri thức.
- D. Là tập hợp những nhu cầu xã hội, mong cầu đáp ứng việc làm.

Câu 2. Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có bao nhiêu hướng đi để lựa chọn

- A. 4.
- B. 3.
- C. 5.
- D. 2.

Câu 3. Tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người là

- A. Thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phồn vinh cho xã hội.
- B. Góp phần làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.
- C. Tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.
- D. Tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Câu 4. Khung cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam bao gồm các hệ thống giáo dục

- A. phổ thông và giáo dục thường xuyên.
- B. nghề nghiệp và giáo dục đại học
- C. chính quy và giáo dục thường xuyên.
- D. mầm non và giáo dục phổ thông.

Câu 5. Sau nhiều năm đổi mới đất nước, thị trường Việt Nam đã có những thay đổi như thế nào?

- A. Phát triển về quy mô lao động đầu ra, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.
- B. Phát triển cả về quy mô và chất lượng, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.
- C. Phát triển về quy mô và chất lượng lao động, từng bước hiện đại, hội nhập quốc tế.
- D. Phát triển về chất lượng lao động, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.

Câu 6. Ý nào sau đây nói về tính chất của nghề nghiệp

- A. Ổn định nhanh, thay đổi nhanh.
- B. Thay đổi thất thường, gắn bó lâu dài.
- C. Ổn định, gắn bó lâu dài.
- D. Không ổn định, biến đổi đột ngột.

Câu 7. Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở học sinh có thể lựa chọn học nghề ở những cơ sở giáo dục nào?

- A. Giáo dục đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng.
- B. Giáo dục nghề nghiệp có đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp, cao đẳng hoặc cơ sở giáo dục đại học.
- C. Giáo dục nghề nghiệp có đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp hoặc các cơ sở giáo dục thường xuyên.
- D. Giáo dục đào tạo trình độ cao đẳng, đại học.

Câu 8. Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về đặc điểm môi trường làm việc của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

- A. Môi trường làm việc năng động, hiện đại, luôn biến đổi và đầy thách thức.
- B. Đối với lĩnh vực kĩ thuật môi trường làm việc tiềm ẩn nguy cơ tai nạn cao.
- C. Tiếp xúc với các thiết bị, công nghệ hiện đại.
- D. Làm việc liên tục trong môi trường hoạt động nhóm, áp lực cao.

Câu 9. Giáo dục phổ thông có hai thời điểm phân luồng là gì

A. Sau tốt nghiệp trung học phổ thông và sau tốt nghiệp đại học.

B. Sau tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ.

C. Sau tốt nghiệp trung học cơ sở và sau tốt nghiệp trung học phổ thông.

D. Sau tốt nghiệp trung học tiểu học và sau tốt nghiệp trung học cơ sở.

Câu 10. Để tìm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ cần thực hiện theo mấy bước

A. 4 bước.

B. 3 bước.

C. 6 bước.

D. 5 bước.

Câu 11. Sự phát triển mạnh mẽ của kỹ thuật, công nghệ đã đặt ra những yêu cầu gì đối với người lao động

A. Người lao động có khả năng tự lập để đáp ứng sự thay đổi liên tục của các ngành nghề.

B. Người lao động có kế hoạch rèn luyện, đáp ứng được sự thay đổi liên tục của các ngành nghề.

C. Người lao động có trình độ chuyên môn cao, sử dụng thành thạo ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

D. Người lao động có trình độ chuyên môn thấp, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin.

Câu 12. Sắp xếp các ý kiến dưới đây theo trình tự tìm hiểu thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ

(1) Xác định nguồn thông tin

(2) Tiến hành tìm kiếm

(3) Xác định mục tiêu tìm kiếm

(4) Xác định công cụ tìm kiếm

A. (3) – (1) – (4) – (2).

B. (3) – (2) – (4) – (1).

C. (4) – (3) – (1) – (2).

D. (1) – (2) – (3) – (4).

Câu 13. Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về giáo dục phổ thông

A. Giáo dục tiểu học bao gồm 5 lớp (từ lớp 1 đến lớp 5).

B. Giáo dục trung học cơ sở bao gồm 4 lớp (từ lớp 6 đến lớp 9).

C. Giáo dục trung học phổ thông bao gồm 3 lớp (từ lớp 10 đến lớp 12).

D. Giáo dục trình độ sơ cấp đào tạo từ 3 tháng đến dưới 1 năm học.

Câu 14. Sự mất cân đối cung – cầu lao động trong lĩnh vực khoa học công nghệ là do đâu?

A. Số lượng cung lao động đáp ứng cầu lao động

B. Lao động phân bố đồng đều ở các khu vực.

C. Cung lao động được đào tạo phù hợp với cầu lao động.

D. Chất lượng cung lao động chưa đáp ứng cầu lao động.

Câu 15. Theo em, sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có thể đi theo hướng nào?

A. Vào học các nghề nghiệp trình độ sơ cấp, trung cấp.

B. Đi làm lao động chân tay.

C. Vào học các trường đại học, cao đẳng.

D. Không đi làm, bố mẹ nuôi

Câu 16. Yêu cầu chung về năng lực của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ là

A. cần cù, chăm chỉ, chịu được áp lực công việc và nhiệm vụ được giao.

B. có tính kỉ luật, ý thức tuân thủ các quy định, quy tắc trong quá trình làm việc; có ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động.

C. chống chỉ định y học với những người bị có tật khúc xạ về mắt.

D. có khả năng tự học, tự nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; có khả năng học tập ngoại ngữ, tin học.

Câu 17. Hình ảnh dưới đây nói về ngành nghề nào trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ



A. Kĩ thuật hệ thống.

B. Kĩ sư điện.

C. Kĩ sư tự động hóa.

D. Thợ cơ khí.

Câu 18. Nội dung nào **không** đúng khi nói về tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với xã hội

A. Góp phần tạo ra sản phẩm vật chất, tinh thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

B. Thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phồn vinh cho xã hội.

C. Làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.

D. Tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.

Câu 19. Đối tượng lao động của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là

A. Các phương tiện, thiết bị của ngành nghề kĩ thuật, công nghiệp.

B. Các thiết bị, công nghệ hiện đại trong quá trình thiết kế, bảo trì, sáng tạo ứng dụng, phần mềm.

C. Các nguyên lí vật lí, kĩ thuật, khoa học công nghệ trong quá trình thiết kế; những thiết bị, máy móc trong hệ thống cơ khí phục vụ ngành công nghiệp và các lĩnh vực khác trong đời sống.

D. Các sản phẩm cơ khí, kĩ thuật, các ứng dụng, phần mềm sử dụng cho các thiết bị điện tử phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xã hội.

Câu 20. Vấn đề cơ bản của thị trường lao động hiện nay là

A. Chất lượng lao động có chuyên môn kĩ thuật ngày càng cao.

B. Xu hướng cầu lao động cao hơn cung lao động.

C. Chất lượng lao động còn thấp, phân bố nguồn lao động không đồng đều.

D. Xu hướng tuyển dụng lao động chưa được đào tạo, thiếu kinh nghiệm.

II. Tự luận (5,0 điểm): Học sinh trả lời các câu hỏi vào giấy kiểm tra được phát

Câu 21 (1,75 điểm). Hãy phân tích những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

Câu 22 (1 điểm). Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, vì lí do cá nhân nên bạn A không học phổ thông nữa mà muốn theo đuổi nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ nhưng không biết nên học ở đâu. Dựa trên kiến thức đã học em hãy tư vấn cho bạn A?

Câu 23 (2,25 điểm).

a) Hiện nay, tình trạng phân bố lực lượng lao động giữa thành thị và nông thôn như thế nào?

b) Bằng nhiều nguồn thông tin, hãy kể tên 5 ngành nghề thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ có xu hướng phát triển trong thị trường lao động hiện nay? Nhóm ngành kĩ thuật, công nghệ nào có xu hướng phát triển trong thị trường lao động ở địa phương em?

I. TRẮC NGHIỆM: 5 điểm (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	B	C	C	A	C	C	D	C	A
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	A	D	D	A	D	D	D	B	C

II. TỰ LUẬN (5 điểm):

Câu	Đáp án	Điểm
11 1,75đ	<p>Những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Năng lực: + Có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, vận dụng được kiến thức chuyên môn vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. + Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và sáng tạo + Có năng lực tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, sử dụng ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc+ Có đủ sức khỏe để đảm bảo hoàn thành công việc, không mắc những bệnh mãn tính gây ảnh hưởng đến quá trình làm việc.- Phẩm chất: + Chấp hành nghiêm kỷ luật lao động, làm việc có trách nhiệm. + Tuân thủ đúng quy định, quy trình kỹ thuật và an toàn lao động: cẩn cù, chăm chỉ, cố gắng khắc phục khó khăn để hoàn thành công việc. + Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, phát triển nghề nghiệp.	<p>1đ (mỗi ý 0,25)</p> <p>0,75đ (mỗi ý 0,25đ)</p>
12 1đ	<p>Bạn A không học trung học phổ thông thì bạn nên lựa chọn :</p> <ul style="list-style-type: none">- Hướng đi 1: Theo học các ngành thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ các trình độ sơ cấp, trung cấp tại các sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo.- Hướng đi 2: Theo học tại các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình trung học phổ thông kết hợp với học một nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ ở trung tâm giáo dục thường xuyên.	<p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>
13 2,25 đ	<p>a) Hiện nay, sự phân bố lực lượng lao động giữa thành thị và nông thôn không đồng đều, lực lượng lao động ở nông thôn cao hơn thành thị.</p> <p>b) 6 ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ,:</p> <ul style="list-style-type: none">- Ngành công nghệ sau thu hoạch- Ngành công nghệ kỹ thuật tự động- Ngành cơ khí- Ngành cơ khí – kỹ thuật chế tạo- Ngành cơ khí tự động và robot.- Ngành điện tử <p>* HS dựa vào thực tế tại địa phương để trả lời câu hỏi. (Học sinh có thể kể các ngành khác)</p>	<p>0,25đ</p> <p>1,75đ</p> <p>0,25đ</p>